

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/5/2018

V/v: “Ly hôn giữa bà M và ông T”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.

2. Bà Hà Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Huỳnh M, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 1B, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: ấp C V, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/01/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Bùi Thị Huỳnh M trình bày: Bà M và ông T tự nguyện quen nhau được khoảng 03 tháng, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2011.

Lý do bà M yêu cầu xin ly hôn: Bà M cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày, mỗi người có suy nghĩ và hành động khác nhau; trong quá trình chung sống vợ chồng ông T có yêu cầu bà M lên thành phố Rạch Giá thuê nhà trọ sinh sống, làm ăn nhưng bà M không đồng ý, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau đó ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ tháng 12/2012 cho đến nay, cả hai bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Không có, bà M xác nhận hiện tại cũng không có mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà M yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà M xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 198, 203, 204, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Huỳnh M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Không có, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

Bà M trình bày nghe rõ ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng. Bà M thống nhất không có ý kiến gì thêm.

Tòa án có triệu tập ông T để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông T vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông T cố tình lẩn tránh không đến tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến theo đơn khởi kiện ly hôn của bà M. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà M xác nhận, bà M và ông T tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà M, ông T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày; vợ chồng không còn thông cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa, bà M thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, bà M và ông T đã ly thân với nhau từ tháng 12/2012 cho đến nay, đôi bên đã bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Không có, bà M xác nhận hiện tại cũng không có mang thai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Tòa án có triệu tập* ông Nguyễn Thanh T để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông T cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M. Trường hợp ông T cho rằng có tài sản chung, nợ chung và có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Huỳnh M và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Bà M xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà M đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006818, ngày 07/02/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, nên bà M được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tấn Nghĩa